ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 968 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 25 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức thi, liên hoan, triển lãm tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/2024/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức thi, liên hoan, triển lãm tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh phục vụ nhiệm vụ chính trị;

Theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 106/TTr-SVHTTDL ngày 23 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức thi, liên hoan, triển lãm tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ UBND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các ban: KTNS, VHXH, PC HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- C, PVP UBND tỉnh,
các phòng CM, TTTT;
- Lưu: VT, KGVX(ĐDĐ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Dương Xuân Huyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức thi, liên hoan, triển lãm tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức thi, liên hoan, triển lãm tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh phục vụ nhiệm vụ chính trị có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là dịch vụ sự nghiệp công).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn sử dụng ngân sách nhà nước để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc triển khai cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

c) Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài công lập có triển khai cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật tại Quy định này.

Điều 2. Quy định chung về định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định này là mức tối đa, được bảo đảm tính đúng, tính đủ để hoàn thành thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định này là căn cứ để:

a) Xác định chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công, xây dựng nội dung chi, mức chi cho việc triển khai cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và bố trí kinh phí hằng năm;

b) Xác định đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đặt hàng cho phù hợp với Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

3. Xác định chức danh lao động:

a) Các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công của bảng định mức áp dụng theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật hoặc xem xét quy đổi tương đương theo vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Trường hợp hạng bậc của chức danh lao động đang làm việc tại các cơ quan, tổ chức không như quy định trong bảng định mức thì áp dụng hạng bậc của chức danh lao động đã quy định trong định mức, bậc tương đương hoặc quy định hạng bậc lao động đang làm việc và mức hao phí theo thực tế. Trong các trường hợp này phải bảo đảm chi phí về nhân công không vượt quá chi phí nhân công tính từ định mức do Ủy ban nhân dan tỉnh ban hành. Đối tượng là công chức, viên chức tham gia làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước không áp dụng định mức hao phí nhân công quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

a) Hao phí nhân công: là thời gian lao động trực tiếp và lao động gián tiếp cần thiết của các cấp bậc lao động bình quân để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ. Mức hao phí của lao động trực tiếp là thời gian thực hiện các công đoạn theo hướng dẫn triển khai dịch vụ sự nghiệp công, được tính bằng công, mỗi công tương ứng với thời gian làm việc một ngày (8 giờ) của người lao động theo quy định tại Điều 105 của Bộ luật Lao động năm 2019. Mức hao phí của lao động gián tiếp tính bằng 15% của lao động trực tiếp tương ứng;

b) Hao phí máy móc, thiết bị sử dụng: là thời gian cần thiết sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí trong định mức được tính bằng ca sử dụng máy, mỗi ca tương ứng với một ngày làm việc (8 giờ) theo quy định tại Điều 105 của Bộ luật Lao động năm 2019;

c) Hao phí vật liệu sử dụng: là số lượng các loại vật liệu cụ thể và cần thiết sử dụng trực tiếp để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí trong định mức được tính bằng số lượng từng loại vật liệu cụ thể. Mức hao phí vật liệu phụ được tính bằng 10% tổng định mức vật liệu.

2. Kết cấu của định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

a) Tên định mức;

b) Mô tả thành phần công việc: là nội dung các công đoạn chính để thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

c) Bảng định mức kinh tế - kỹ thuật, bao gồm:

- Hao phí nhân công: chức danh và hạng lao động, đơn vị tính mức hao phí và trị số định mức hao phí;

- Hao phí máy móc, thiết bị sử dụng: tên loại máy móc, thiết bị, đơn vị tính mức hao phí và trị số định mức hao phí sử dụng;

- Hao phí vật liệu sử dụng: tên và quy cách vật liệu, đơn vị tính mức hao phí và trị số định mức hao phí vật liệu sử dụng;

- Trị số định mức: là giá trị tính bằng số của thời gian thực hiện thực tế trên hao phí nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng, vật liệu sử dụng trong quá trình cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

- Ghi chú: là nội dung hướng dẫn cách tính định mức trong điều kiện kỹ thuật khác nhau (nếu có) hoặc để hoàn thành một khối lượng công việc khác với đơn vị tính tại Bảng định mức.

3. Các định mức kinh tế - kỹ thuật được quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này, bao gồm:

a) Phụ lục I: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức thi tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh phục vụ nhiệm vụ chính trị.

b) Phụ lục II: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức triển lãm tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh phục vụ nhiệm vụ chính trị.

c) Phụ lục III: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức liên hoan tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh phục vụ nhiệm vụ chính trị.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước để triển khai cung ứng dịch vụ sự nghiệp công có liên quan căn cứ điều kiện thực tế, đề xuất với cơ quan thẩm quyền xen xét, quyết định áp dụng định mức cụ thể.

2. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan thường xuyên tổ chức rà soát nội dung, tổng hợp báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh bổ sung kịp thời đảm bảo phù hợp thực tế và quy định pháp luật./.